TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH-** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2023/DS-ST
Ngày: 23/11/2023
Về việc: "Tranh chấp về hợp đồng dân sự".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH- TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà **Hoàng Thị Thu Hương**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Văn Kiện**
2. Ông **Trần Minh Nhựt**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thị Như Ngọc** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 23 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 171/2023/TLST-DS ngày 03 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp "Hợp đồng dân sự vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69/2023/QĐXX-ST, ngày 07 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị G**, sinh năm 1975

Địa chỉ: Tổ 2, ấp S, xã B, huyện G, tỉnh K.

2. Bị đơn: Anh **Phan Việt D (Phan Văn T)**, sinh năm 1988

Địa chỉ: Tổ 4, ấp A, xã M, huyện C, tỉnh K.

(Tại phiên tòa, bà G có mặt, anh D vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 29/9/2023 của bà Nguyễn Thị G, bản tự khai của các đương sự, nội dung phiên hòa giải ngày 30/10/2023, hồ sơ vụ án, vụ án có nội dung như sau:

** Bà Nguyễn Thị G trình bày:*

Vào tháng 5/2022 dương lịch, anh Phan Việt D (Phan Văn T) là chủ vựa phế liệu có mượn tiền của tôi nhiều lần với tổng số tiền gốc là 145.000.000đ (Một trăm bốn mươi lăm triệu đồng) để anh Phan Việt D mua bán phế liệu, anh Phan Việt D hẹn là khi nào tôi mua nhà thì anh D trả số tiền nêu trên lại cho tôi, không tính lãi, khi ấy thì hai bên không có làm giấy tờ vay mượn tiền. Đến khi tôi kiếm được đất muốn mua để xây nhà, tôi đòi tiền anh D thì anh D không trả, anh D hứa bán đất sẽ trả tiền cho tôi nhưng cũng không trả. Ngày 17/9/2022, anh Phan Việt D (Phan Văn T) ký giấy cam kết sẽ trả đủ số nợ nêu trên cho tôi. Ngày 20/9/2022, anh Phan Việt D (Phan Văn T) ký giấy cam kết sẽ trả số nợ nêu trên cho tôi làm 05 lần: Ngày 27/9/2022, trả 45.000.000 đồng; ngày 27/10/2022, trả 25.000.000 đồng; ngày

27/11/2022, trả 25.000.000 đồng; ngày 27/12/2022, trả 25.000.000 đồng và ngày 27/01/2023, trả 25.000.000 đồng; nhưng sau đó thì anh Phan Việt D vẫn không trả nợ cho tôi như đã cam kết.

Tôi yêu cầu Tòa án buộc anh Phan Việt D (Phan Văn T) phải trả cho tôi số tiền vay gốc là 145.000.000đ (Một trăm bốn mươi lăm triệu đồng) và tiền lãi của số tiền vay gốc 145.000.000 đồng từ ngày 01/6/2022 dương lịch đến ngày Tòa án xét xử vụ án với mức lãi suất theo quy định của pháp luật. Tôi đồng ý cho anh Phan Việt D thanh toán dần số nợ gốc và lãi nêu trên cho tôi, nhưng anh D phải trả ngay cho tôi số tiền gốc là 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng) để tôi trả cho người ta, số nợ còn lại thì tôi đồng ý cho anh D trả dần.

** Anh Phan Việt D (Phan Văn T) trình bày:*

Tôi có tên theo CMND, CCCD là Phan Việt D, tên thường gọi là Phan Văn T.

Vào tháng 5/2022 dương lịch, tôi có mượn tiền của bà Nguyễn Thị G nhiều lần với tổng số tiền gốc là 145.000.000đ (Một trăm bốn mươi lăm triệu đồng) để tôi mua bán phế liệu, không thỏa thuận về lãi suất, tôi hẹn khi nào tôi làm ăn được thì tôi trả nợ cho bà G từ từ, khi ấy thì hai bên không có làm giấy tờ vay mượn tiền. Ngày 17/9/2022, tôi ký giấy cam kết sẽ trả đủ số nợ nêu trên cho bà Nguyễn Thị G với tên Phan Văn T. Ngày 20/9/2022, tôi (Phan Văn T) ký giấy cam kết sẽ trả số nợ nêu trên cho bà Nguyễn Thị G làm 05 lần: Ngày 27/9/2022, trả 45.000.000 đồng; ngày 27/10/2022, trả 25.000.000 đồng; ngày 27/11/2022, trả 25.000.000 đồng; ngày 27/12/2022, trả 25.000.000 đồng và ngày 27/01/2023, trả 25.000.000 đồng; nhưng sau đó thì tôi không trả được nợ cho bà Nguyễn Thị G như đã cam kết do tôi làm ăn bị thua lỗ.

Tôi đồng ý hoàn trả cho bà Nguyễn Thị G số tiền vay gốc là 145.000.000đ (Một trăm bốn mươi lăm triệu đồng) và tiền lãi của số tiền gốc 145.000.000 đồng từ ngày 01/6/2022 dương lịch đến ngày Tòa án xét xử vụ án với mức lãi suất theo quy định của pháp luật, nhưng tôi xin được trả dần số nợ gốc và nợ lãi cho bà Nguyễn Thị G với số tiền là 2.000.000 đồng/tháng, trả từ tháng 11/2023 dương lịch cho đến khi hết nợ, tôi không có khả năng trả ngay cho bà Nguyễn Thị G số tiền gốc là 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng) như yêu cầu của bà Nguyễn Thị G.

** Tại phiên tòa,* bà Nguyễn Thị G vẫn giữ nguyên ý kiến nêu trên; yêu cầu Tòa án buộc anh Phan Việt D (Phan Văn T) phải trả cho bà Nguyễn Thị G số tiền vay gốc là 145.000.000đ (Một trăm bốn mươi lăm triệu đồng) và tiền lãi của số tiền vay gốc 145.000.000 đồng từ ngày 01/6/2022 dương lịch đến ngày Tòa án xét xử vụ án với mức lãi suất theo quy định của pháp luật, bà Nguyễn Thị G đồng ý cho anh Phan Việt D thanh toán dần số nợ gốc và lãi nêu trên cho bà Nguyễn Thị G, nhưng yêu cầu anh Phan Việt D phải trả ngay cho bà Nguyễn Thị G số tiền gốc là 45.000.000đ (Bốn mươi lăm triệu đồng) để bà Nguyễn Thị G trả cho người ta, số nợ còn lại thì bà Nguyễn Thị G đồng ý cho anh Phan Việt D trả dần.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật và nghị án, Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

1.1. Về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp:

Do phát sinh tranh chấp trong việc thanh toán tiền vay nên bà Nguyễn Thị G khởi kiện anh Phan Việt D (Phan Văn T) tại Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang vào ngày 29/9/2023; anh Phan Việt D có hộ khẩu thường trú và hiện nay vẫn cư trú tại ấp A, xã M, huyện C, tỉnh K. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, anh Phan Việt D không có yêu cầu phản tố. Do đó, đây là vụ án "Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang theo các quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015.

1.2. Về việc vắng mặt anh Phan Việt D tại phiên tòa: Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang đã tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69/2023/QĐXXST-DS, ngày 07/11/2023 cho anh Phan Việt D theo quy định của pháp luật, anh Phan Việt D vắng mặt phiên tòa nhưng đã có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt (BL 20), được sự thống nhất của bà Nguyễn Thị G, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Phan Việt D theo quy định khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

2.1. Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị G:

Tại bản tự khai ngày 09/10/2023 và phiên hòa giải ngày 30/10/2023, anh Phan Việt D (Phan Văn T) đều thừa nhận là vào tháng 5/2022 dương lịch, anh Phan Việt D có mượn tiền của bà Nguyễn Thị G nhiều lần với tổng số tiền gốc là 145.000.000đ (Một trăm bốn mươi lăm triệu đồng) để anh Phan Việt D mua bán phế liệu, không thỏa thuận về lãi suất, khi ấy thì hai bên không có làm giấy tờ vay mượn tiền. Ngày 17/9/2022, anh Phan Việt D ký giấy cam kết sẽ trả đủ số nợ nêu trên cho bà Nguyễn Thị G với tên Phan Văn T. Ngày 20/9/2022, anh Phan Việt D ký giấy cam kết sẽ trả số nợ nêu trên cho bà Nguyễn Thị G làm 05 lần: Ngày 27/9/2022, trả 45.000.000 đồng; ngày 27/10/2022, trả 25.000.000 đồng; ngày 27/11/2022, trả 25.000.000 đồng; ngày 27/12/2022, trả 25.000.000 đồng và ngày 27/01/2023, trả 25.000.000 đồng; nhưng sau đó thì anh Phan Việt D không trả được nợ cho bà Nguyễn Thị G như đã cam kết do anh Phan Việt D làm ăn bị thua lỗ. Anh Phan Việt D đồng ý hoàn trả cho bà Nguyễn Thị G số tiền vay gốc là 145.000.000đ (Một trăm bốn mươi lăm triệu đồng) và tiền lãi của số tiền gốc 145.000.000 đồng từ ngày 01/6/2022 dương lịch đến ngày Tòa án xét xử vụ án với mức lãi suất theo quy định của pháp luật theo yêu cầu của bà Nguyễn Thị G; nhưng anh Phan Việt D xin được trả dần số nợ gốc và nợ lãi cho bà Nguyễn Thị G với số tiền là 2.000.000 đồng/tháng, bắt đầu trả từ tháng 11/2023 dương lịch cho đến khi hết nợ, không có khả năng thanh toán nợ cho bà Nguyễn Thị G theo như cách thanh toán nợ mà bà Nguyễn Thị G yêu cầu.

Sự thừa nhận nợ của anh Phan Việt D là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với lời trình bày của bà Nguyễn Thị G và nội dung giấy cam kết thanh toán nợ ngày 17/9/2022, 20/9/2022 (BL 02).

Căn cứ vào các Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 469 của Bộ luật dân sự năm 2015, Tòa án buộc anh Phan Việt D phải có trách nhiệm hoàn trả cho bà Nguyễn Thị G số tiền sau:

- Tiền vay gốc: 145.000.000đ (Một trăm bốn mươi lăm triệu đồng).

- Tiền lãi: {145.000.000 đồng x 10%) : 12 tháng} x 17 tháng 22 ngày = 21.428.000đ (Hai mươi mốt triệu, bốn trăm hai mươi tám ngàn đồng).

Tổng số tiền gốc và số tiền lãi = 166.428.000đ (Một trăm sáu mươi sáu triệu, bốn trăm hai mươi tám ngàn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không hoàn trả hoặc hoàn trả không đủ số tiền nêu trên cho người được thi hành án, thì người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án khoản tiền lãi theo lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2.2. Việc anh Phan Việt D thanh toán số tiền nêu trên cho bà Nguyễn Thị G như thế nào thì thuộc thẩm quyền của cơ quan Thi hành án khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Từ những nhận xét trên, Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Nguyễn Thị G.

[3] Về án phí:

Theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; điểm b Tiểu mục 1.3, Mục 1, Phần II của Danh mục án phí thuộc Danh mục án phí, lệ phí Toà án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016,

Tòa án buộc anh Phan Việt D phải có nghĩa vụ nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là: 166.428.000 đồng x 5% = 8.321.400đ (Tám triệu, ba trăm hai mươi mốt ngàn, bốn trăm đồng).

Bà Nguyễn Thị G được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí mà bà Nguyễn Thị G đã nộp là 4.530.000đ (Bốn triệu năm trăm ba mươi ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001002, ngày 03/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang (BL 09).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, các Điều 266, 271, 273, 278, 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; các Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 469 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định

về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; điểm b Tiểu mục 1.3, Mục 1, Phần II của Danh mục án phí thuộc Danh mục án phí, lệ phí Toà án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

Xử:

1- Buộc anh Phan Việt D phải có trách nhiệm hoàn trả cho bà Nguyễn Thị G số tiền vay vào tháng 5/2022 dương lịch với tổng số tiền gốc và số tiền lãi là 166.428.000đ (Một trăm sáu mươi sáu triệu, bốn trăm hai mươi tám ngàn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không hoàn trả hoặc hoàn trả không đủ số tiền nêu trên cho người được thi hành án, thì người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án khoản tiền lãi theo lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2- Về án phí:

Buộc anh Phan Việt D phải có nghĩa vụ nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 8.321.400đ (Tám triệu, ba trăm hai mươi mốt ngàn, bốn trăm đồng).

Bà Nguyễn Thị G được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí mà bà Nguyễn Thị G đã nộp là 4.530.000đ (Bốn triệu năm trăm ba mươi ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001002, ngày 03/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3- Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị G có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tuyên án (23/11/2023); anh Phan Việt D có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc được niêm yết, tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang;
- Chi cục THADS h Châu Thành, KG (khi án có hlpl);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị Thu Hương